PHIẾU BÀI TẬP TIẾNG ANH LỚP 2

Unit 15 In the clothes shop · Lesson 1–2 (SGK tr. 65–66)

Tuần 31

Họ và tên: ..... Lớp: .....

Bài 1: Look and write (nhìn hình, viết từ)

 ☐hirts	 shoe☐	 ☐rapes	 c☐ke

Bài 2: Match – nối hình với từ

	●	●	grandmother
	●	●	brother
	●	●	sister
	●	●	shoes
	●	●	shirts

Bài 3: Match (nối): từ hoặc câu tiếng Anh với nghĩa tiếng Việt

1. shirts	●	●	a. quần soóc
2. shoes	●	●	b. bánh ngọt
3. shorts	●	●	c. áo sơ mi
4. cake	●	●	d. giày

Bài 4: Circle (khoanh): chọn từ hoặc câu đúng

1. shoes nghĩa là gì? (A) áo sơ mi (B) giày (C) quần soóc
2. shorts nghĩa là gì? (A) giày (B) áo sơ mi (C) quần soóc
3. Từ nào bắt đầu bằng sh? (A) shirts (B) sea (C) sand
4. shirts nghĩa là gì? (A) giày (B) áo sơ mi (C) quần soóc

Bài 5: Copy the words – chép 2 từ

Chép mỗi từ một dòng: shirts shoes

Chưa cần viết câu.

onthi.app
Ôn Thi · phiếu bài tập in miễn phí, có đáp án

ĐÁP ÁN – TIẾNG ANH LỚP 2

Dành cho bố mẹ, thầy cô chấm bài

Tuần 31

Bài 1: Look and write (nhìn hình, viết từ)

👕 – **shirts** 👟 – **shoes** 🍇 – **grapes** 🍰 – **cake**

Bài 2: Match – nối hình với từ

👕 – **shirts** 👟 – **shoes** 👦 – **brother** 👧 – **sister** 👵 – **grandmother**

Bài 3: Match (nối): từ hoặc câu tiếng Anh với nghĩa tiếng Việt

1 – **c** 2 – **d** 3 – **a** 4 – **b**

Bài 4: Circle (khoanh): chọn từ hoặc câu đúng

1. **B** (giày) 2. **C** (quần soóc) 3. **A** (shirts) 4. **B** (áo sơ mi)

Bài 5: Copy the words – chép 2 từ

shirts shoes

onthi.app
Ôn Thi · phiếu bài tập in miễn phí, có đáp án